TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BV – HÀ NỘI** Số: **57**/2023/QĐST-DS	**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

B, ngày 01 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH 14.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 07 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/DSST ngày 10 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Dầu khí (GPbank)**

Địa chỉ: Số 109, Trần Hưng Đạo, quận HK, thành phố phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hữu Minh, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tống Thị Nga Linh, Giám đốc PGD TT Nguyễn Cơ Thạch. Người nhận ủy quyền lại: Ông Vũ Danh T1, Cán bộ xử lý nợ GPBank.

Bị đơn: **Ông Đặng Văn T1, sinh năm: 1979**

Bà Phan Thị T2, sinh năm: 1979

Đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà T2: ông Phạm Văn N1, sinh năm: 1981

Cùng Địa chỉ: Thôn Cao Cương, xã Đ, huyện BV, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tranh chấp: Ông Đặng Văn T1 và bà Phan Thị T2 phải có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank) tổng số tiền: **2.672.186.518 đồng** (*Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi hai triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm mười tám đồng)* theo các hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0188/2014/NCT/HĐTD ngày 28/08/2014; và Hợp đồng tín dụng số 0329/2014/NCT/HĐTD ngày 09/12/2014, (dư nợ tính đến ngày 24/7/2023) trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 0188/2014/NCT/HĐTD ngày 28/08/2014:

Tổng dư nợ gốc lãi tính đến ngày 24/07/2023 là **1.372.842.322 đồng**, trong đó:

+ Nợ gốc: **580.000.000 đồng** (*Năm trăm tám mươi triệu đồng);*

+ Nợ lãi trong hạn: **4.865.923 đồng** (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng);*

+ Lãi quá hạn: **787.976.399 đồng** (*Bảy trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng).*

Hợp đồng tín dụng số 0329/2014/NCT/HĐTD ngày 09/12/2014:

Tổng dư nợ gốc lãi tính đến ngày 03/01/2023 là **1.299.344.196 đồng**, trong đó:

+ Nợ gốc: **550.000.000 đồng** (*Năm trăm năm mươi triệu đồng);*

+ Nợ lãi trong hạn: **23.309.304 đồng** (*Hai mươi ba triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm linh bốn đồng);*

+ Lãi quá hạn: **726.034.892 đồng** (*Bảy trăm hai mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).*

Kể từ ngày 25/07/2023 ông Đặng Văn T1 và bà Phan Thị T2 còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0188/2014/NCT/HĐTD ngày 28/08/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0329/2014/NCT/HĐTD ngày 09/12/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

-Phương án trả nợ như sau: ông T1, bà T2 phải trả nợ toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 12 tháng, chia làm 12 kỳ, bắt đầu tính từ 20/08/2023 và kết thúc vào ngày 20/7/2024, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 20/8/2023, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 20/9/2023, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 20/10/2023, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 20/11/2023, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 5: Chậm nhất vào ngày 20/12/2023, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 6: Chậm nhất vào ngày 20/01/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 7: Chậm nhất vào ngày 20/02/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 8: Chậm nhất vào ngày 20/3/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 09: Chậm nhất vào ngày 20/4/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 10: Chậm nhất vào ngày 20/5/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 11: Chậm nhất vào ngày 20/6/2024, ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 12: Chậm nhất vào ngày 20/7/2024, ông T1, bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi còn lại và lãi phát sinh.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, nếu ông T1, bà T2 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (về thời gian và số tiền) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp công chứng số 704, quyển số 03TP/CT/SGT ngày 09/12/2014 tại Phòng Tư pháp huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ và hợp đồng công chứng số 0735.2014/HĐTC-TPCC-SCC/HĐGD, ngày 28/8/2014 tại Văn phòng Công chứng Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Các tài sản bảo đảm là:

Tài sản 1 là: *Quyền sử dụng, quyền sở hữu 01 chiếc Xe ô tô Mazda CX5, Biển kiểm soát: 29A-638.74. số khung RN2KE57A6CC000803, số máy PE30477255, màu sơn: Trắng, mang tên ông Đặng Văn T1.* T1 sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 28/08/2014

Tài sản 2 là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 453, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2, tại địa chỉ: Thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T1 sản khác gắn liền với đất số BV 503862, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH-00538 do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 04/11/2014 cho bà Phan Thị T2.* Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 09/12/20214 và đơn đăng ký thay đổi ngày 22/12/2016.

-Toàn bộ số tiền thu được từ việc Bán/Xử lý các tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T1, bà T2 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ Bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T1, bà T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

-*Về chi phí tố tụng*: Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định) trong quá trình giải quyết vụ án.

-*Về án phí:* ông T1 và bà T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tổng là: 42.721.000đ (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng)*. Hoàn trả số tiền: 41.644.000đ (*Bốn mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu đã nộp theo biên lai thu số 0060844 ngày 10/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BV.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. BV;
- Chi cục THADS h. BV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thu Hường